

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 12-01-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hường

2. Ông Vũ Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2022/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-KDTM ngày 27/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S Việt Nam (gọi tắt là S).

Địa chỉ: KCN L, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo Pháp luật: Ông LChung Bong H – Chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1978;

Địa chỉ: A15-01B, Tòa nhà Babylon, 683A đường Âu Cơ, phường T, quận TP, Thành phố H.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Dược phẩm A (gọi tắt là A);

Địa chỉ: Số 279A1, ấp 1B, xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim D – Chức danh: Giám đốc.
(Nguyên đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28-9-2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn do ông Nguyễn Văn Ph đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Công ty TNHH S Việt Nam (gọi tắt là S) và Công ty Cổ phần Dược phẩm A (gọi tắt là A) có thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa là vỏ nang từ nhiều năm trước nhưng đến ngày 02/01/2021, S và A mới ký hợp đồng nguyên tắc số SHVN/AMT/2021-01. Quá trình giao dịch và cách thức mua bán là A sẽ báo bằng điện thoại qua bộ phận kinh doanh của S. Sau đó S sẽ chuẩn bị đầy đủ hàng và giao hàng hóa kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng cho A. Ngày 05/01/2021, hai bên đối chiếu xác nhận công nợ với nhau thì tổng số tiền A còn nợ S là 2.111.408.000 đồng.

Từ thời điểm chốt công nợ ngày 05/01/2021 đến nay, phía A đặt hàng thêm 02 (hai) lần và S đã giao hàng đầy đủ kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 316.782.000 đồng, gồm: Hóa đơn số 3492 ngày 27/4/2021 (giá trị 136.422.000 đồng) và hóa đơn số 5474 ngày 15/3/2022 (giá trị 180.360.000 đồng) và thanh toán thêm hai đợt với tổng số tiền là 392.526.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền A còn nợ S là 2.035.664.000 đồng. Căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng nguyên tắc thì toàn bộ giá trị đơn hàng sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của S trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn VAT. S đã nhiều lần yêu cầu A thanh toán dứt điểm công nợ nhưng A đến nay vẫn không thanh toán số nợ gốc nêu trên.

Do A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Dược phẩm A phải thanh toán ngay tổng số tiền còn nợ là 2.035.664.000 đồng (Hai tỷ không trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng); Yêu cầu A phải trả lãi suất quá hạn 15%/năm tính từ ngày 15/6/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/01/2023) đối với số tiền chậm trả là 2.035.664.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần Dược phẩm A đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho tòa án gồm: hợp đồng nguyên tắc số SHVN/AMT/2021-01 ngày 02/01/2021, Giấy xác nhận số dư nợ ngày

05/01/2021, sổ chi tiết thanh toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2022, xác nhận giao dịch qua tài khoản thanh toán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 08/12/2022, 25 hóa đơn giá trị gia tăng và bản tự khai, giấy ủy quyền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: S khởi kiện yêu cầu A phải thanh toán số nợ còn lại phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, trong quá trình giải quyết vụ án S đã giao nộp cho Tòa các Hợp đồng nguyên tắc, giấy xác nhận nợ và các hóa đơn giá trị gia tăng để chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo đó ngày 05/01/2021 công ty A còn nợ S số tiền 2.111.408.000 đồng. Từ thời điểm chốt công nợ ngày 05/01/2021 đến nay, phía A đặt hàng thêm 02 (hai) lần với tổng số tiền là 316.782.000 đồng và thanh toán thêm hai đợt với tổng số tiền là 392.526.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền A còn nợ S là 2.035.664.000 đồng là có thật. A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của A là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán 15%/năm do vi phạm thời gian thanh toán: Do A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 306 Luật thương mại thì A phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ tài liệu do các ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam thì lãi suất quá hạn trung bình của ba ngân hàng là 16,25%/năm. Do đó, yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 15%/năm là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về tranh chấp “hợp đồng mua bán hàng hóa”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ tranh chấp là “hợp đồng mua bán hàng hóa” và thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[2]. Xác định tư cách tổ tụng của đương sự trong vụ án: Theo đơn khởi kiện bị nguyên đơn khởi kiện A nên căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định A là bị đơn.

[3]. Bị đơn đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hoà giải được và xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[4.1]. Hợp đồng nguyên tắc số SHVN/AMT/2021-01 ngày 02/01/2021 do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Sổ chi tiết thanh toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2022, xác nhận giao dịch qua tài khoản thanh toán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 08/12/2022; các hóa đơn giá trị gia tăng do A là người mua hàng và Giấy xác nhận số dư nợ ngày 05/01/2021 có xác nhận của Công ty A. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho A nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Công ty A đã ký tên vào giấy xác nhận công nợ và sau đó phát sinh thêm hai đơn hàng là có thật và S không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Theo giấy xác nhận công nợ ngày 05/01/2021 thì A xác nhận còn nợ S số tiền 2.111.408.000 đồng, sau khi xác nhận công nợ thì A có mua hàng của S thêm hai lần tổng số tiền hàng là 316.782.000 đồng (Theo các hóa đơn giá trị gia tăng số 3492 ngày 27/4/2021, giá trị 136.422.000 đồng và hóa đơn số 5474 ngày 15/3/2022, giá trị 180.360.000 đồng) nên có cơ sở xác định tổng số tiền hàng A phải thanh toán cho S là 2.428.190.000 đồng.

[4.3] Theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc: “toàn bộ giá trị đơn hàng sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của S trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn VAT”. Tuy nhiên, theo Văn bản số 42/HVU22.CM8 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 08/12/2022 và xác nhận của S thì từ sau ngày xác nhận nợ A thanh toán được hai lần tiền: ngày 05/4/2021 thanh toán 150.000.000 đồng và ngày 24/02/2022 thanh toán được 242.526.000 đồng với tổng số tiền là 392.526.000 đồng. Như vậy, khấu trừ số tiền Công ty A đã thanh toán này thì A còn nợ S tổng số tiền 2.035.664.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng mua bán hàng hóa và căn cứ vào Điều 50, Điều 297 Luật Thương mại, buộc A có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ là 2.035.664.000 đồng cho S là có căn cứ và phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức.

[5] Đối với yêu cầu tính tiền lãi suất quá hạn trung bình 15%/năm tính từ ngày 15/6/2022 cho đến ngày xét xử (ngày 12/01/2023) đối với số tiền chậm trả là 2.035.664.000 đồng. Như đã phân tích như trên do A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

[5.1]. Theo Văn bản số 235/LAN-KT.CCTT ngày 22/11/2022 ngày 22/11/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An cho biết: Lãi suất cho vay trong hạn ngắn hạn thông thường là 10.0%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Tức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An là 15%/năm;

[5.2]. Theo Văn bản số 2640/NHNo.ĐLA-KTNB ngày 28/11/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thông Việt Nam - Chi nhánh Đông Long An thì lãi suất cho vay trong hạn phục vụ hoạt động kinh doanh trên 6 tháng đến 12 tháng là 10,5%, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Tức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thông Việt Nam - Chi nhánh Đông Long An là 15,75%/năm.

[5.3]. Theo Văn bản số 5251/BIDV.LA-QLRR ngày 29/11/2022 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Long An thì lãi suất cho vay trong hạn đối với kỳ hạn 6 đến 8 tháng là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Tức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Long An là 18%/năm;

[5.4]. Như vậy, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) là 16,25%/năm. Do đó, S yêu cầu A phải trả lãi chậm thanh toán với mức 15%/năm trên số tiền 2.035.664.000 đồng từ ngày 15/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (12/01/2023) là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5.6]. Cụ thể số tiền lãi trên số tiền chậm trả mà A phải thanh toán cho S từ ngày 15/6/2022 đến ngày xét xử (ngày 12/01/2023) với lãi suất 15%/năm đối với số tiền 2.035.664.000 đồng đồng như sau: $2.035.664.000 \text{ đồng} \times 15\%/năm \times 06 \text{ tháng} = 176.098.879 \text{ đồng}$ (Một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm chín mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi chín đồng).

[6]. Về phạt vi phạm: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, S tự nguyện không yêu cầu phạt vi phạm do A chậm thanh toán nên ghi nhận sự tự nguyện này của S. A không bị phạt do vi phạm hợp đồng.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 26 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; thì bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Công ty A được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518 và Điều 519 của Bộ Luật Dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 279 và Điều 306 của Luật Thương mại; Khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 207, Điều 208, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S Việt Nam đối với Công ty Cổ phần Dược phẩm A về việc tranh chấp “hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2. Buộc Công ty Cổ phần Dược phẩm A phải trả cho Công ty TNHH S Việt Nam số tiền còn nợ là 2.211.762.879 đồng (Hai tỷ hai trăm mười một triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi chín đồng). Gồm: 2.035.664.000 đồng (Hai tỷ không trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) nợ gốc và 176.098.879 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm chín mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi chín đồng) nợ lãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Dược phẩm A phải chịu 76.235.258 đồng (Bảy mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

Hoàn trả cho Công ty TNHH S Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 36.949.018 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn không trăm mười tám đồng) theo biên lai thu số 0012137 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hưởng - Vũ Văn Hoàng

Hồ Thị Miên